

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền.
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* anh Trương Mẫn Đ, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TLB, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Tạ Kim T – Luật sư Văn phòng luật sư Dương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2021 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày: Chị và anh Trương Mẫn Đ quen biết rồi tổ chức đám cưới vào tháng giêng (âm lịch) năm 2021 và sống chung như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 07/7/2021 hiện anh Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị được quyền thăm nom và rước con chăm sóc từ ngày chủ nhật đến ngày thứ 2 và không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Có các tài sản chung gồm: 30 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3.6 ly, 02 nhẫn vàng 18k (mỗi chiếc 0.5 chỉ). Hiện tại anh Đ giữ 01 chiếc nhẫn cưới, tài sản còn lại chị giữ. Chị đồng ý chia lại cho anh Đ 15 chỉ vàng 24k, các tài sản khác chị không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 15/11/2021; Đơn phản tố ngày 15/11/2021 và lời trình bày tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Mẫn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất theo lời trình bày của chị T. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể sống chung được nữa nên đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con chung, đồng ý cho chị T được quyền thăm nom và rước con chăm sóc từ ngày chủ nhật đến ngày thứ 2, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu chị T chia lại cho anh 15 chỉ vàng 24k, tài sản khác không tranh chấp.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, tuy nhiên việc rước con mỗi tuần một lần sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ nên đề nghị xem xét lại có thể cho chị T rước con về chơi hai lần/tháng mà thôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Trần Thanh T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Trương Mẫn Đ, anh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp TLB, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ tự tìm hiểu, quen biết rồi tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01(âm) năm 2021 đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, tại phiên tòa hôm nay anh chị thuận tình ly hôn cũng không có căn cứ để Tòa án xem xét công nhận mà chỉ tuyên bố không công nhận anh chị có quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 07/7/2021 hiện anh Đ nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh chị thỏa thuận tiếp tục giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T được quyền thăm nom và rước con về chăm sóc hàng tuần trong khoảng thời gian từ 09 giờ ngày chủ nhật đến 17 giờ ngày thứ 2

hôm sau, xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trước khi mở phiên tòa, chị T và anh Đ thỏa thuận chia cho mỗi người 15 chỉ vàng 24k, các tài sản khác không tranh chấp đề nghị Tòa án ghi nhận. Tại phiên tòa các đương sự vẫn thỏa thuận và đề nghị như trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự.

[6] Về nợ chung: chị T và anh Đ trình bày không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Đối với án phí chia tài sản chung: Do chị T và anh Đ thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng đề nghị Tòa án ghi nhận trước khi mở phiên tòa nên chịu 50% mức án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, cụ thể là: 30 chỉ vàng 24k x 5.285.000đ/chỉ (Giá tại thời điểm xét xử sơ thẩm) x 2,5% = 3.963.700đ : 2 = 1.981.800đ (Lấy số tròn).

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ. Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 07/7/2021 cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T được quyền thăm nom và rước con về chăm sóc hàng tuần trong khoảng thời gian từ 09 giờ ngày chủ nhật đến 17 giờ ngày thứ 2 hôm sau.

3. *Về tài sản chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ như sau: Chị T chia lại cho anh Đ 15 chỉ vàng 24k ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. *Về án phí:*

- Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 1.981.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên

lai thu số 0001349 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên phải nộp tiếp 1.981.800đ.

- Anh Trương Mẫn Đ phải chịu 1.981.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001412 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trả lại 518.200đ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: anh Trương Mẫn Đ, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TLB, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Tạ Kim T – Luật sư Văn phòng luật sư Dương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ. Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 07/7/2021 cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T được quyền thăm nom và rước con về chăm sóc hàng tuần trong khoảng thời gian từ 09 giờ ngày chủ nhật đến 17 giờ ngày thứ 2 hôm sau.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa chị Trần Thanh T và anh Trương Mẫn Đ như sau: Chị T chia lại cho anh Đ 15 chỉ vàng 24k ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. *Về án phí*:

- Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 1.981.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001349 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên phải nộp tiếp 1.981.800đ.

- Anh Trương Mẫn Đ phải chịu 1.981.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001412 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trả lại 518.200đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử⁽¹⁰⁾**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

